CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 3, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304592171
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.04.01 18:10:12+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
YEAH1 GROUP CORPORATION
Số/No: 56 /2026/CBTT/CTHĐQT/YEG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness
------o0o------

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026
Ho Chi Minh City, March 31, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM	**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND THE HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước / *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM / *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 / *YEAH1 GROUP CORPORATION*
- Mã chứng khoán/*Securities Symbol*: YEG
- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / *140 Nguyen Van Thu, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*
- Điện thoại/*Telephone*: (+84) 287300 6071 Fax: 08 3910 1073
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Bà/*Ms* Lê Phương Thảo
  Chức vụ/*Position:* Chủ tịch Hội đồng quản trị/*Chairwoman of the Board of Directors*

Loại thông tin công bố *Information disclosure type*	[x] Định kỳ *Periodic*	[ ] Bất thường *Irregular*	[ ] 24 giờ *24 hours*	[ ] Theo yêu cầu *On-demand*

Nội dung thông tin công bố/*Content of Information disclosure*:

Ngày 31/3/2026, Công ty Cổ phần Tập đoàn YeaH1 ("Công ty") công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính riêng năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.

On March 31, 2026, YeaH1 Group Corporation (the "Company") announced the following information:

- *The Company's audited separate Financial Statements for 2025 and the explanation of the variances between the 2025 separate financial statements and those of the same period in 2024.*
- *The Company's audited consolidated Financial Statements for 2025 and the explanation of the variances between the Consolidated Financial Statements and those of the same period in 2024.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn YeaH1 vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại đường dẫn: http://yeah1group.com/investor-relations.

This information was disclosed on YeaH1 Group Corporation's Portal on March 31, 2026. Available at: http://yeah1group.com/investor-relations.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct, and we bear the full responsibility under the law.

Nơi nhận:
Recipient:
+ Như trên;
+ *As above;*
+ Lưu VP;
+ *Archived;*

Đại diện tổ chức/*Organization representative*
Người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative*

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ PHƯƠNG THẢO
Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman

CÔNG TY CỔ PHẦN **TẬP ĐOÀN YEAH1** Số: 76/2026/YEG/CV	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("**Công ty**") giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 có biến động trên mười phần trăm (10%) so với cùng kỳ năm ngoái, và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2025 có biến động trên năm phần trăm (5%), cụ thể như sau:

1. Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2025 so với năm 2024:

a. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kiểm toán năm 2025

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025 (1)	Năm 2024 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Thay đổi %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	77.401.200.443	122.574.290.595	(45.173.090.152)	(36,86%)

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất của Tập đoàn năm 2025 giảm 45.173.090.152 đồng, tương ứng giảm 36,86% so với cùng kỳ, chủ yếu là do biên lợi nhuận từ doanh thu quảng cáo trên các nền tảng sụt giảm so với cùng kỳ bởi ảnh hưởng của thay đổi chính sách nền tảng cũng như thị trường quảng cáo nói chung, đồng thời Tập đoàn cũng tăng cường chi phí đầu tư vào phát triển hệ thống người dùng cuối, dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ.

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng kiểm toán năm 2025

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025 (1)	Năm 2024 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(141.712.778.573)	23.219.129.949	(164.931.908.522)

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ năm 2025 giảm 164.931.908.522 đồng so với năm 2024 chủ yếu do việc ghi nhận chi phí tài chính liên quan đến thoái vốn công ty con trong quý I năm 2025.

2. Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2025 trước và sau kiểm toán:

a. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trước và sau kiểm toán năm 2025

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Sau kiểm toán (1)	Trước kiểm toán (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(141.712.778.573)	(128.220.772.562)	(13.492.006.011)

Lỗ sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính riêng sau kiểm toán năm 2025 là 141.712.778.573 đồng, giảm hơn 13 tỉ đồng so với trước kiểm toán. Chênh lệch phát sinh chủ yếu do việc gia tăng trích lập dự phòng và ghi nhận thêm chi phí giá vốn sản xuất trong kỳ.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 đã được đăng tải trên website của Công ty: *www.yeah1group.com*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu: VT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Building a better working world

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 51

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh – nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006 và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên độc lập	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Quân Minh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2026
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2026
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2025
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám Đốc

Bà Nguyễn Thị Khánh Trang được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 05/2601/UQ/YEG có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 1 năm 2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 17.1* của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 31 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Nguyễn Thị Khánh Trang
Giám đốc Tài Chính

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12925844/68610385

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1073-2026-004-1

Hoàng Anh Khôi
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 6454-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.037.970.426.657**	**674.524.693.229**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***27.925.551.729***	***38.416.885.363***
111	1. Tiền		27.925.551.729	38.337.088.258
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	79.797.105
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***	***6***	***164.600.000.000***	***230.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		164.600.000.000	230.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***773.052.719.698***	***634.528.068.391***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	360.353.884.484	105.247.391.505
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	221.309.150.846	222.600.021.803
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	57.220.600.000	189.028.460.018
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	134.661.547.969	141.057.384.838
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(492.463.601)	(23.405.189.773)
140	***IV. Hàng tồn kho***		***69.648.446.950***	***501.439.034***
141	1. Hàng tồn kho	12	69.648.446.950	501.439.034
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***2.743.708.280***	***848.300.441***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	786.866.100	848.300.441
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	1.956.842.180	-
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.633.284.583.908**	**1.767.988.537.046**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***396.779.334.800***	***336.730.634.800***
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7	-	24.000.000.000
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	9	193.715.000.000	9.615.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	10	203.064.334.800	303.115.634.800
220	***II. Tài sản cố định***		***164.373.553.454***	***138.753.744.671***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	15	224.420.338	276.194.779
222	Nguyên giá		998.567.381	903.492.862
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(774.147.043)	(627.298.083)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	164.149.133.116	138.477.549.892
228	Nguyên giá		240.247.920.639	171.206.041.734
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(76.098.787.523)	(32.728.491.842)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***57.177.622.222***	***10.523.422.222***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	57.177.622.222	10.523.422.222
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***1.000.431.485.437***	***1.259.233.352.576***
251	1. Đầu tư vào công ty con	17.1	959.904.720.000	1.294.283.212.233
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	17.2	76.889.600.000	2.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.3	9.615.625.000	17.715.625.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17	(45.978.459.563)	(54.765.484.657)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***14.522.587.995***	***22.747.382.777***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	14.417.587.581	21.047.511.423
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.4	105.000.414	1.699.871.354
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.671.255.010.565**	**2.442.513.230.275**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**558.342.599.177**	**735.828.750.314**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***536.297.630.478***	***705.564.960.707***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	302.983.205.585	136.090.440.676
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	16.390.000.000	7.431.868.273
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	1.823.423.021	7.449.487.609
314	4. Phải trả người lao động		3.570.352.261	3.894.502.261
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	7.473.837.135	16.159.534.249
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	72.353.723.064	181.810.405.402
320	7. Vay ngắn hạn	23	131.703.089.412	352.728.722.237
330	***II. Nợ dài hạn***		***22.044.968.699***	***30.263.789.607***
338	1. Vay dài hạn	23	22.044.968.699	30.263.789.607
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.112.912.411.388**	**1.706.684.479.961**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***24***	***2.112.912.411.388***	***1.706.684.479.961***
411	1. Vốn cổ phần		1.918.020.350.000	1.370.014.540.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.918.020.350.000*	*1.370.014.540.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		75.418.254	140.518.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		194.816.643.134	336.529.421.707
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*336.529.421.707*	*313.310.291.758*
421b	*- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*(141.712.778.573)*	*23.219.129.949*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.671.255.010.565**	**2.442.513.230.275**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Nguyễn Thị Khánh Trang
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**25.1**	**778.389.113.293**	**454.275.835.986**
10	**2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**25.1**	**778.389.113.293**	**454.275.835.986**
11	**3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**26**	**(742.041.608.226)**	**(392.854.997.004)**
20	**4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**36.347.505.067**	**61.420.838.982**
21	**5. Doanh thu hoạt động tài chính**	**25.2**	**18.811.314.918**	**39.111.602.477**
22	**6. Chi phí tài chính**	**27**	**(145.641.934.118)**	**(25.467.718.732)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(16.237.900.590)*	*(22.527.924.238)*
25	**7. Chi phí bán hàng**		**(448.294.444)**	**-**
26	**8. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**28**	**(48.414.540.918)**	**(47.631.052.745)**
30	**9. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(139.345.949.495)**	**27.433.669.982**
31	**10. Thu nhập khác**		**31.307.706**	**3.793.688**
32	**11. Chi phí khác**		**(803.265.844)**	**(1.540.568.787)**
40	**12. Lỗ khác**		**(771.958.138)**	**(1.536.775.099)**
50	**13. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(140.117.907.633)**	**25.896.894.883**
51	**14. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**30.1**	**-**	**(4.377.636.288)**
52	**15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	**30.4**	**(1.594.870.940)**	**1.699.871.354**
60	**16. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN**		**(141.712.778.573)**	**23.219.129.949**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Nguyễn Thị Khánh Trang
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(140.117.907.633)**	**25.896.894.883**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	14, 15	43.517.144.641	25.703.096.262
03	(Hoàn nhập) trích lập dự phòng		(10.835.613.526)	3.912.048.973
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		119.367.542.211	(39.109.879.857)
06	Chi phí lãi vay	27	16.237.900.590	22.527.924.238
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**28.169.066.283**	**38.930.084.499**
09	Giảm các khoản phải thu		79.419.925.261	16.234.409.234
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(69.147.007.916)	17.969.989.537
11	Tăng các khoản phải trả		154.785.525.623	109.658.175.634
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		6.691.358.183	(17.633.857.643)
14	Tiền lãi vay đã trả		(24.888.487.329)	(16.241.086.970)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.377.636.288)	-
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**170.652.743.817**	**148.917.714.291**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(113.272.153.424)	(497.044.892.633)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán các tài sản dài hạn khác		5.000.000.000	-
23	Tiền chi cho vay và gửi tiết kiệm		(744.380.000.000)	(111.537.266.640)
24	Tiền thu hồi cho vay và thu tiền gửi tiết kiệm		525.507.860.018	204.544.838.301
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(322.722.520.000)	(234.262.550.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122.198.980.000	215.144.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức		27.827.499.688	40.646.729.080
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(499.840.333.718)**	**(382.509.141.892)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	24.1	547.940.710.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	23	250.435.627.614	496.290.673.679
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(479.680.081.347)	(230.674.905.152)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**318.696.256.267**	**265.615.768.527**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**(10.491.333.634)**	**32.024.340.926**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**38.416.885.363**	**6.392.544.437**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**27.925.551.729**	**38.416.885.363**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Nguyễn Thị Khánh Trang
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNDKDN số 0304592171 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh – nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006 và điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 58 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 58 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *TM số 17.1* của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 31 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm khi phát sinh.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí cải tạo văn phòng đi thuê;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Phí dịch vụ trả trước khác.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành nghiệm thu.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.18 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 *Tăng vốn trong Công ty TNHH 1Production ("1Production")*

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2025, Công ty đã góp tăng vốn điều lệ trong 1Production căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Số 910/2408/BBH/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 8 năm 2024 và theo phê duyệt của Nghị quyết HĐQT Số 911/2408/NQ/HĐQT/YEG và đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 4 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2025. Theo đó, vốn điều lệ của 1Production tăng từ 139.000.000.000 VND lên 350.000.000.000 VND.

4.2 *Nhận chuyển nhượng cổ phần và tăng vốn trong Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí Mango+ ("Mango+")*

Theo Biên bản họp HĐQT Số 433/2504/BBH/HĐQT/YEG và Quyết định của Chủ tịch HĐQT Số164/2504/QĐ/CTHĐQT/YEG cùng ngày 25 tháng 4 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị là 500.000.000 VND tương ứng 100% tỷ lệ sở hữu trong Mango+ từ Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số ("DCC"), một công ty con gián tiếp của Công ty. Theo đó, Mango+ trở thành công ty con sở hữu 100% trực tiếp của Công ty kể từ ngày này.

Vào ngày 23 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc góp tăng vốn điều lệ trong Mango+ theo phê duyệt của Nghị quyết HĐQT số 115/2025/NQ/HĐQT/YEG ngày 23 tháng 5 năm 2025 và đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 1 năm 2026. Theo đó, vốn điều lệ của Mango+ tăng từ 500.000.000 VND lên 43.718.920.000 VND.

4.3 *Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của các công ty liên kết*

Theo phê duyệt của Nghị quyết HĐQT số 352/NQ/HĐQT/YEG ngày 26 tháng 9 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 1.395.000 cổ phần, tương đương 31% tỷ lệ sở hữu từ các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần 1Game ("1Game") với giá trị 27.900.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Game tăng từ 18% lên 49% và 1Game trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 *Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của các công ty liên kết* (tiếp theo)

Thêm vào đó, cũng theo Nghị quyết trên, Công ty đã nhận chuyển nhượng 36.000 cổ phần, tương đương 36% tỷ lệ sở hữu từ các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần 1Creators ("1Creators") với giá trị 36.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Creators là 36% và 1Creators trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

4.4 *Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần trong Công ty TNHH Yeah1 Up ("Y1U")*

Theo Biên bản họp HĐQT số 432/2505/BBH/HĐQT/YEG và Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 197/2505/QĐ/CTHĐQT/YEG cùng ngày 10 tháng 5 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng 8% tỷ lệ sở hữu trong Y1U từ bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 2.000.000.000 VND vào ngày 15 tháng 5 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Y1U tăng từ 92% lên 100% kể từ ngày này.

4.5 *Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty con hiện hữu*

Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 ("Giga1")

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 35.999.600 cổ phần, tương ứng với 99.999% cổ phần của Giga1 cho đối tác với giá chuyển nhượng là 450.000.000.000 VND căn cứ theo Biên bản họp HĐQT Số 83/2503/BBH/HĐQT/YEG cùng ngày 24 tháng 3 năm 2025 và theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 84/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 3 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Giga1 giảm từ 99.999% xuống 0% và Giga1 không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Công ty TNHH 1Talents ("1Talents")

Theo Biên bản họp HĐQT số 435/2505/BBH/HĐQT/YEG và Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 205/2505/QĐ/CTHĐQT/YEG cùng ngày 22 tháng 5 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng 2.000.000.000 VND vốn góp, tương đương 100% vốn điều lệ của 1Talents cho SYE Holdings, một công ty con của Công ty, với giá chuyển nhượng là 2.000.000.000 VND vào ngày 22 tháng 5 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong 1Talents giữ nguyên là 100% và 1Talents trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

4.6 *Thay đổi tỷ lệ sở hữu và mất quyền kiểm soát trong SYE Holdings*

Theo phê duyệt của Quyết định của Chủ tịch HĐQT Số 1092/2411/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 29 tháng 11 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 97.600 cổ phần tương ứng với 48,80% tỷ lệ sở hữu trong SYE Holdings từ các bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 2.013.600.000 VND vào ngày 22 tháng 5 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong SYE Holdings tăng từ 51% lên 99,80% kể từ ngày này.

Theo Biên bản họp HĐQT số 434/2509/BBH/HĐQTYEG và Quyết định của Chủ tịch HĐQT Số 332/2025/QĐ/CTHĐQT/YEG cùng ngày 4 tháng 9 năm 2025, Công ty cũng đã chuyển nhượng 4.000 cổ phần, tương đương 2% tỷ lệ sở hữu trong SYE Holdings cho một bên thứ ba khác.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, SYE Holdings đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 192.517 cổ phần cho một bên thứ ba. Theo đó, vốn cổ phần của SYE Holdings tăng từ 2.000.000.000 VND lên 3.921.570.000 VND. Sau các giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong SYE Holdings giảm từ 97,80% xuống còn 49,88% và SYE Holdings trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này và 1Talents cũng không còn là công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi ngân hàng	27.925.551.729	38.337.088.258
Các khoản tương đương tiền	-	79.797.105
TỔNG CỘNG	**27.925.551.729**	**38.416.885.363**

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất dao động từ 3,4% đến 7,65%/năm.

Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi ngắn hạn với giá trị là 24.600.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng *(TM số 23.1)*.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Các bên khác	315.599.465.330	84.993.047.305
Công ty Cổ phần Tera Ventures (*)	*240.001.000.000*	-
Công ty Cổ phần King Production	*14.335.110.000*	*9.549.100.000*
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	*8.000.100.000*	-
Khác	*53.263.255.330*	*75.443.947.305*
Các bên liên quan *(TM số 31)*	44.754.419.154	20.254.344.200
TỔNG CỘNG	**360.353.884.484**	**105.247.391.505**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *(TM số 11)*	(419.125.706)	(1.798.983.363)
GIÁ TRỊ THUẦN	**359.934.758.778**	**103.448.408.142**
Dài hạn		
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần STV	-	24.000.000.000

(*) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của Giga1 *(TM số 4.6)*. Công ty đã thu được toàn bộ khoản phải thu này vào ngày 13 tháng 3 năm 2026.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các bên khác	210.862.091.139	217.663.828.234
Công ty Cổ phần Tera Group	*154.214.476.520*	*209.318.476.520*
Công ty Cổ phần Giải trí và Sự kiện Hand	*41.685.000.000*	-
Công ty Cổ phần King Production	*12.659.714.640*	*7.644.456.896*
Khác	2.302.899.979	*700.894.818*
Trả trước cho các bên liên quan *(TM số 31)*	10.447.059.707	4.936.193.569
TỔNG CỘNG	**221.309.150.846**	**222.600.021.803**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn *(TM số 11)*	-	(329.450)
GIÁ TRỊ THUẦN	**221.309.150.846**	**222.599.692.353**

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**57.220.600.000**	**189.028.460.018**
Cho các bên liên quan vay *(TM số 31)*	56.190.600.000	22.155.000.000
Cho bên khác vay	1.030.000.000	166.873.460.018
Dài hạn	**193.715.000.000**	**9.615.000.000**
Cho các bên liên quan vay *(TM số 31)*	192.115.000.000	525.000.000
Cho các bên khác vay	1.600.000.000	9.090.000.000
TỔNG CỘNG	**250.935.600.000**	**198.643.460.018**
Dự phòng phải thu về cho vay *(TM số 11)*	-	(300.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**250.935.600.000**	**198.343.460.018**

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	*Số cuối năm (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn *(TM số 31)*			
Y1D	27.616.000.000	Từ ngày 15 tháng 10 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	8,0
1Creators	14.865.000.000	Từ ngày 17 tháng 9 năm 2026 đến ngày 27 tháng 11 năm 2026	8,0
Y1U	10.318.600.000	Từ ngày 28 tháng 4 năm 2026 đến ngày 15 tháng 10 năm 2026	10,5
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink")	2.021.000.000	Từ ngày 2 tháng 12 năm 2026 đến ngày 23 tháng 12 năm 2026	10,5
DCC	1.370.000.000	Ngày 28 tháng 4 năm 2026	10,5
TỔNG CỘNG	**56.190.600.000**		
Cho bên khác vay ngắn hạn			
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.030.000.000	Ngày 27 tháng 10 năm 2026	8,0
Cho các bên liên quan vay dài hạn *(TM số 31)*			
1Production	185.516.000.000	Từ ngày 14 tháng 2 năm 2027 đến ngày 20 tháng 2 năm 2027	8,0
Netlink	6.069.000.000	Từ ngày 22 tháng 1 năm 2027 đến ngày 6 tháng 6 năm 2027	10,5
1Creators	530.000.000	Từ ngày 15 tháng 12 năm 2027 đến ngày 30 tháng 12 năm 2027	8,0
TỔNG CỘNG	**192.115.000.000**		
Cho các bên khác vay dài hạn			
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.400.000.000	Ngày 1 tháng 10 năm 2027	8,0
Công ty Cổ phần Media Kingdom Việt Nam	200.000.000	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2027 đến ngày 24 tháng 2 năm 2027	10,5
TỔNG CỘNG	**1.600.000.000**		

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**134.661.547.969**	**141.057.384.838**
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh		
Công ty Cổ phần Unicorn Venture (i)	*99.875.000.000*	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	-	*26.163.157.895*
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	-	*19.600.000.000*
Phải thu từ thu hộ *(ii)*		
1Production	*14.046.145.790*	*38.548.886.622*
Công ty TNHH 1Brandlink ("1Brandlink")	*7.058.275.973*	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam ("Y1N")	*1.055.345.308*	*20.991.338.967*
Y1U	*86.190.000*	-
STVPro	-	*11.993.508.096*
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	11.090.782.377	6.118.412.043
Phải thu cổ tức	-	14.000.000.000
Khác	1.449.808.521	3.642.081.215
Dài hạn	**203.064.334.800**	**303.115.634.800**
Đặt cọc nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất *(iii)*	196.000.000.000	196.000.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh *(i)*	-	99.875.000.000
Khác	7.064.334.800	7.240.634.800
TỔNG CỘNG	**337.725.882.769**	**444.173.019.638**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác *(TM số 11)*	(73.337.895)	(21.305.876.960)
GIÁ TRỊ THUẦN	**337.652.544.874**	**422.867.142.678**
Trong đó:		
Các bên khác	*304.509.721.984*	*369.921.681.636*
Các bên liên quan (TM số 31)	*33.216.160.785*	*74.251.338.002*

(i) Đây là khoản đặt cọc mua Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân.

Theo Phụ lục hợp đồng Số 01 - Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 6 tháng 12 năm 2024, Công ty và Unicorn Venture đã thống nhất điều chỉnh giảm số tiền đầu tư dự án xuống còn 99.875.000.000 VND.

Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, khoản phải thu này đã được Unicorn Venture hoàn trả lại cho Công ty theo Biên bản Thanh lý hợp đồng số 20 ngày 3 năm 2026.

(ii) Đây là các khoản phải thu từ thu chi hộ Công ty theo các hợp đồng ủy quyền để thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại.

(iii) Đây là khoản đặt cọc trong vòng 5 năm để đảm bảo thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình xây dựng có công năng phục vụ mục đích văn phòng theo Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng đất Số CI426639 tại địa chỉ số 140, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Hợp đồng Số 1456/2024/HĐĐC/YEG-SG3 ngày 29 tháng 12 năm 2024 và Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng đất Số CI426639. Quyền sử dụng đất này đang được dùng để thế chấp cho khoản vay của Công ty và các công ty con tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định *(TM số 23.1)*.

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự phòng phải thu của khách hàng ngắn hạn khó đòi	419.125.706	1.798.983.363
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	73.337.895	21.305.876.960
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn khó đòi	-	300.000.000
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	-	329.450
TỔNG CỘNG	**492.463.601**	**23.405.189.773**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

VND

		Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm		23.405.189.773	22.117.833.001
Cộng:	Dự phòng trích lập trong năm	58.826.729	1.287.356.772
Trừ:	Xóa sổ dự phòng trong năm	(20.864.137.740)	-
Trừ:	Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.107.415.161)	-
Số cuối năm		**492.463.601**	**23.405.189.773**

Chi tiết các khoản phải thu khó đòi và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	-	-	-	3.522.790.853	1.988.430.308	(1.534.360.545)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	-	-	-	523.907.131	119.783.497	(404.123.634)
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	-	-	-	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển Up	-	-	-	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	-	-	-	300.000.000	-	(300.000.000)
Công ty TNHH Yeah1 Vision	-	-	-	209.824.729	-	(209.824.729)
Khác	658.642.922	166.179.321	(492.463.601)	3.629.832.379	3.272.951.514	(356.880.865)
TỔNG CỘNG	**658.642.922**	**166.179.321**	**(492.463.601)**	**28.786.355.092**	**5.381.165.319**	**(23.405.189.773)**

12. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí các chương trình đang sản xuất dở dang *(*)*	69.183.596.866	-
Hàng hóa	464.850.084	501.439.034
TỔNG CỘNG	**69.648.446.950**	**501.439.034**

(*) Đây là chi phí sản xuất chương trình phát sóng độc quyền bao gồm Tân Binh Toàn Năng, Gia đình Haha và một số chương trình khác.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**786.866.100**	**848.300.441**
Phí dịch vụ trả trước	567.938.668	496.946.417
Công cụ, dụng cụ	157.528.366	348.806.607
Khác	61.399.066	2.547.417
Dài hạn	**14.417.587.581**	**21.047.511.423**
Chi phí cải tạo văn phòng	12.679.096.582	17.712.654.760
Công cụ, dụng cụ	738.161.520	1.625.361.958
Phí dịch vụ trả trước	5.479.464	23.873.753
Khác	994.850.015	1.685.620.952
TỔNG CỘNG	**15.204.453.681**	**21.895.811.864**

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Bản quyền chương trình phim ngắn (*)	*Nhãn hiệu, tên thương mại*	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Số đầu năm	168.521.659.580	2.524.382.154	160.000.000	171.206.041.734
Mua mới	63.756.678.905	-	-	63.756.678.905
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.285.200.000	-	-	5.285.200.000
Số cuối năm	237.563.538.485	2.524.382.154	160.000.000	240.247.920.639
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	(31.855.693.475)	(827.465.028)	(45.333.339)	(32.728.491.842)
Hao mòn trong năm	(43.281.718.809)	(56.576.868)	(32.000.004)	(43.370.295.681)
Số cuối năm	(75.137.412.284)	(884.041.896)	(77.333.343)	(76.098.787.523)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	136.665.966.105	1.696.917.126	114.666.661	138.477.549.892
Số cuối năm	162.426.126.201	1.640.340.258	82.666.657	164.149.133.116

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Thiết bị văn phòng
Nguyên giá	
Số đầu năm	903.492.862
Mua mới	95.074.519
Số cuối năm	998.567.381
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	*461.609.636*
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu năm	(627.298.083)
Khấu hao trong năm	(146.848.960)
Số cuối năm	(774.147.043)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	276.194.779
Số cuối năm	224.420.338

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phần mềm Onstudio	42.605.000.000	-
Phần mềm YEG DX	13.944.000.000	-
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	628.622.222	5.523.422.222
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	-	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	**57.177.622.222**	**10.523.422.222**

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư vào công ty con *(TM số 17.1)*	959.904.720.000	1.294.283.212.233
Đầu tư vào công ty liên kết *(TM số 17.2)*	76.889.600.000	2.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(TM số 17.3)*	9.615.625.000	17.715.625.000
TỔNG CỘNG	**1.046.409.945.000**	**1.313.998.837.233**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(45.978.459.563)	(54.765.484.657)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.000.431.485.437**	**1.259.233.352.576**

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 *Đầu tư vào các công ty con*

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 9 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11 công ty con trực tiếp):

STT	*Tên công ty con*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư (VND)	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %*	*Giá trị đầu tư (VND)*	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp %*
1	1Production *(TM số 4.1)*	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	350.000.000.000	-	100,00	139.000.000.000	-	100,00
2	Edigital	Quảng cáo, sản xuất chương trình	255.844.800.000	-	69,55	255.844.800.000	-	69,55
3	Netlink	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	203.319.000.000	(4.980.480.646)	69,00	203.319.000.000	-	69,00
4	Y1N	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	80.000.000.000	(10.935.222.936)	100,00	79.910.000.000	(28.954.919.935)	99,89
5	Mango+ *(TM số 4.2)*	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình	43.718.920.000	(7.189.229.527)	100,00	-	-	69,55
6	Y1U *(TM số 4.4)*	Quảng cáo, sản xuất chương trình	25.000.000.000	(13.257.901.454)	100,00	23.000.000.000	(15.286.052.381)	92,00
7	1Brandlink	Dịch vụ quảng cáo	2.000.000.000	-	100,00	2.000.000.000	-	100,00
8	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1 *(*)*	Dịch vụ quảng cáo	12.000.000	-	50,98	12.000.000	-	50,98
9	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số *(**)*	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	10.000.000	-	51,00	10.000.000	-	51,00

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 9 công ty con trực tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11 công ty con trực tiếp): (tiếp theo)

STT	*Tên công ty con*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trực tiếp*
			(VND)	*(VND)*	*%*	*(VND)*	*(VND)*	*%*
10	Giga1 *(TM số 4.5)*	Công nghệ, bán buôn	-	-	-	588.167.412.233	-	99,99
11	SYE Holdings *(trước đây là 1Label) (TM số 4.6)*	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	-	1.020.000.000	-	51,00
12	1Talents *(TM số 4.5)*	Quảng cáo	-	-	-	2.000.000.000	(179.891.566)	100,00
	TỔNG CỘNG		**959.904.720.000**	**(36.362.834.563)**		**1.294.283.212.233**	**(44.420.863.882)**	

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, YSS đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể.

(**) Vào ngày 29 tháng 1 năm 2026, Công ty con này đã hoàn tất thủ tục giải thể và chấm dứt hoạt động theo Thông báo của Sở Tài chính Tỉnh Vĩnh Long.

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 *Đầu tư vào các công ty con* (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 10 công ty con gián tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 12 công ty con gián tiếp):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Quyền sở hữu	*Quyền biểu quyết*	*Quyền sở hữu*	*Quyền biểu quyết*
			%	%	%	%
1	Công ty TNHH Yeah1 Publishing ("Y1P")	Dịch vụ quảng cáo	64,86	94,00	64,86	94,00
2	Netlink Communication Technology Ltd ("Netlink BVI")	Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận	35,18	50,99	35,18	50,99
3	DCC	Dịch vụ quảng cáo	69,55	100,00	69,55	100,00
4	Công ty TNHH Vietnam Music Award ("VMA")	Quảng cáo, sản xuất chương trình	35,47	51,00	35,47	51,00
5	Công ty TNHH TingTing Network ("TingTing")	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	100,00	69,55	100,00
6	Công ty TNHH Big Cat ("BigCat")	Quảng cáo, sản xuất chương trình	55,64	80,00	55,64	80,00
7	Tstudio	Quảng cáo, hoạt động hậu kì	41,69	59,95	41,69	59,95
8	Netlink Online Pte. Ltd ("Netlink Online")	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18	100,00	35,18	100,00
9	Web Publishing Corp.	Quảng cáo	17,63	50,10	17,63	51,00
10	1Talents	Quảng cáo	100,00	100,00	100,00	100,00
11	Công ty Cổ phần Gigagoods	Bán lẻ	-	-	50,99	51,00
12	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	Dịch vụ quảng cáo	-	-	58,99	59,00

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 4 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1 công ty liên kết):

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Giá trị đầu tư	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*	*Giá trị đầu tư*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*
			(VND)	*%*	*(VND)*	*%*
1	1Creators *(TM số 4.3)*	Lập trình máy vi tính	36.000.000.000	36,00	-	-
2	1Game *(TM số 4.3)*	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	36.000.000.000	49,00	-	-
3	SYE Holdings *(TM số 4.6)*	Quảng cáo, sản xuất chương trình	2.889.600.000	49,00	-	-
4	Meta Blossom	Quảng cáo	2.000.000.000	40,00	2.000.000.000	40,00
	TỔNG CỘNG		**76.889.600.000**		**2.000.000.000**	

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.3 Đầu tư vào các công ty khác

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty khác như sau:

STT	*Tên công ty*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Giá trị đầu tư (VND)	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*	*Giá trị đầu tư (VND)*	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*
1	Công ty Cổ phần ADS Group Việt Nam	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
2	Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
3	Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
4	1Game *(TM số 4.3)*	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	-	-	-	8.100.000.000	(728.995.775)	18,00
	TỔNG CỘNG		**9.615.625.000**	**(9.615.625.000)**		**17.715.625.000**	**(10.344.620.775)**	

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả các bên liên quan *(TM số 31)*	290.119.977.052	114.255.270.516
Phải trả các bên khác	12.863.228.533	21.835.170.160
STVPro	*6.374.700.467*	*18.023.400.002*
Khác	*6.488.528.066*	*3.811.770.158*
TỔNG CỘNG	**302.983.205.585**	**136.090.440.676**

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước từ các bên liên quan *(TM số 31)*	16.250.000.000	2.410.210.093
Trả trước từ các bên khác	140.000.000	5.021.658.180
TỔNG CỘNG	**16.390.000.000**	**7.431.868.273**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
PHẢI THU				
Thuế giá trị gia tăng	-	68.278.332.890	(66.321.490.710)	1.956.842.180
PHẢI TRẢ				
Thuế thu nhập cá nhân	1.064.919.817	14.839.820.934	(14.515.748.736)	1.388.992.015
Thuế giá trị gia tăng	1.428.946.752	71.554.168.126	(72.631.304.375)	351.810.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.377.636.288	-	(4.377.636.288)	-
Khác	577.984.752	1.577.800.396	(2.073.164.645)	82.620.503
TỔNG CỘNG	**7.449.487.609**	**87.971.789.456**	**(93.597.854.044)**	**1.823.423.021**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí sản xuất chương trình	5.181.000.000	6.587.535.544
Chi phí dịch vụ tư vấn và bản quyền	-	6.750.000.000
Khác	2.292.837.135	2.821.998.705
TỔNG CỘNG	**7.473.837.135**	**16.159.534.249**

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả các khoản nhờ chi hộ cho việc sản xuất các Dự án chương trình *(i)*	32.648.864.497	43.796.097.986
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh *(ii)*	31.500.000.000	31.500.000.000
Lãi vay	2.382.583.247	11.156.245.804
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	407.838.578	854.042.816
Phải trả do chuyển nhượng vốn góp	-	89.800.020.000
Khác	5.414.436.742	4.703.998.796
TỔNG CỘNG	**72.353.723.064**	**181.810.405.402**
Trong đó:		
Các bên khác	*38.834.862.085*	*137.072.172.756*
Các bên liên quan (TM số 31)	*33.518.860.979*	*44.738.232.646*

(i) Đây là các khoản phải trả từ thu chi hộ Công ty theo các hợp đồng ủy quyền để thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại.

(ii) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 ngày 16 tháng 6 năm 2023, quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1". Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTVcab là 50:50. Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án.

23. VAY

VND

	Số đầu năm	*Vay trong năm*	*Trả nợ vay trong năm*	*Phân loại lại*	*Số cuối năm*
Vay ngắn hạn	**352.728.722.237**	**246.435.627.614**	**(477.180.081.347)**	**9.718.820.908**	**131.703.089.412**
Vay ngân hàng *(TM số 23.1)*	78.636.096.239	172.605.627.614	(159.632.844.551)	-	91.608.879.302
Vay bên liên quan *(TM số 23.2 và số 31)*	22.710.000.000	69.130.000.000	(63.315.000.000)	(735.000.000)	27.790.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả *(TM số 23.1)*	13.673.475.998	-	(11.223.086.796)	9.718.820.908	12.169.210.110
Vay các tổ chức khác *(TM số 23.4)*	40.000.000	3.700.000.000	(4.340.000.000)	735.000.000	135.000.000
Vay cá nhân	237.669.150.000	1.000.000.000	(238.669.150.000)	-	-
Vay dài hạn	**30.263.789.607**	**4.000.000.000**	**(2.500.000.000)**	**(9.718.820.908)**	**22.044.968.699**
Vay ngân hàng *(TM số 23.1)*	30.263.789.607	-	-	(9.718.820.908)	20.544.968.699
Vay bên liên quan *(TM số 23.3 và số 31)*	-	4.000.000.000	(2.500.000.000)	-	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	**382.992.511.844**	**250.435.627.614**	**(479.680.081.347)**	**-**	**153.748.058.111**

23. VAY (tiếp theo)

23.1 *Vay ngân hàng*

Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	61.838.974.449	Từ ngày 8 tháng 2 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	6,5 – 11,6	Các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn thuộc sở hữu của Công ty với tổng giá trị 24.600.000.000 VND *(TM số 6)*
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	29.769.904.853	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	7,2 – 7,7	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba *(TM số 10)*
TỔNG CỘNG	**91.608.879.302**			

Công ty vay khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	27.500.000.000	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2026 đến ngày 14 tháng 9 năm 2028	Thả nổi	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	5.214.178.809	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2027 đến ngày 23 tháng 12 năm 2027	Thả nổi	
TỔNG CỘNG	**32.714.178.809**			
Trong đó:				
Vay dài hạn	*20.544.968.699*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*12.169.210.110*			

23. VAY (tiếp theo)

23.2 *Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 31)*

Đây là các khoản vay tín chấp ngắn hạn các bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Y1N	22.650.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	8,0
SYE Holdings	2.000.000.000	Ngày 13 tháng 10 năm 2026	8,0
VMA	1.040.000.000	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2026 đến ngày 17 tháng 5 năm 2026	10,5
Meta Blossom	1.000.000.000	Ngày 3 tháng 1 năm 2026	10,5
TingTing	800.000.000	Từ ngày 12 tháng 3 năm 2026 đến ngày 19 tháng 12 năm 2026	8,0 – 10,0
1Brandlink	300.000.000	Ngày 25 tháng 9 năm 2026	8,0
TỔNG CỘNG	**27.790.000.000**		

23.3 *Vay dài hạn bên liên quan*

Đây là khoản vay tín chấp dài hạn các bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
SYE Holdings	1.500.000.000	Ngày 28 tháng 2 năm 2027	10,5

23.4 *Vay ngắn hạn tổ chức khác*

Đây là các khoản vay tín chấp ngắn hạn bên khác nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Giga1	135.000.000	Ngày 20 tháng 12 năm 2026	10,5

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Số đầu năm	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	56.481.900.000	-	(56.481.900.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	23.219.129.948	23.219.129.948
Số cuối năm	1.370.014.540.000	140.518.254	336.529.421.707	1.706.684.479.961
Năm nay				
Số đầu năm	1.370.014.540.000	140.518.254	336.529.421.707	1.706.684.479.961
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu *(*)*	548.005.810.000	(65.100.000)	-	547.940.710.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(141.712.778.573)	(141.712.778.573)
Số cuối năm	1.918.020.350.000	75.418.254	194.816.643.134	2.112.912.411.388

(*) Theo công văn số 199/UBCK-QLCB ngày 13 tháng 3 năm 2025, SSC thông báo đã nhận được tài liệu của Công ty về kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty theo Báo cáo kết quả số 58/2503/CV/YEG ngày 11 tháng 3 năm 2025. Theo đó, Công ty đã hoàn thành việc phân phối 54.800.581 cổ phiếu theo nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 1 năm 2025. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh – nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.370.014.540.000 VND lên 1.918.020.350.000 VND.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
Tăng trong năm	548.005.810.000	56.481.900.000
Số cuối năm	1.918.020.350.000	1.370.014.540.000

24.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã đăng ký	**191.802.035**	**137.001.454**
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	191.802.035	137.001.454
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	191.802.035	137.001.454

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. DOANH THU

25.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	680.289.910.292	247.921.868.873
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	34.857.332.631	132.695.320.649
Doanh thu về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	63.241.870.370	73.658.646.464
DOANH THU THUẦN	**778.389.113.293**	**454.275.835.986**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*676.979.331.166*	*374.934.462.116*
Doanh thu đối với bên liên quan (TM số 31)	*101.409.782.127*	*79.341.373.870*

25. DOANH THU (tiếp theo)

25.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.799.870.022	24.810.027.795
Thu nhập cổ tức	-	14.000.000.000
Khác	11.444.896	301.574.682
TỔNG CỘNG	**18.811.314.918**	**39.111.602.477**
Trong đó:		
Các bên liên quan (TM số 31)	*13.460.325.327*	*16.182.878.312*
Các bên khác	*5.350.989.591*	*22.928.724.165*

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn về quảng cáo và tư vấn truyền thông	650.347.748.068	297.101.067.467
Giá vốn cung cấp bản quyền nội dung số	45.000.100.899	48.240.978.224
Giá vốn về cho thuê mặt bằng và cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược	46.693.759.259	47.512.951.313
TỔNG CỘNG	**742.041.608.226**	**392.854.997.004**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lỗ từ thanh lý công ty con *(TM số 4.5)*	138.167.412.233	-
Chi phí lãi vay	16.237.900.590	22.527.924.238
(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(8.787.025.094)	2.624.692.201
Khác	23.646.389	315.102.293
TỔNG CỘNG	**145.641.934.118**	**25.467.718.732**
Trong đó:		
Các bên khác	*143.508.521.723*	*23.381.499.182*
Các bên liên quan (TM số 31)	*2.133.412.395*	*2.086.219.550*

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.563.813.484	27.863.139.090
Chi phí nhân viên	15.137.191.535	10.865.805.010
Chi phí khấu hao và hao mòn	136.115.640	209.843.451
Chi phí khác	2.577.420.259	8.692.265.194
TỔNG CỘNG	**48.414.540.918**	**47.631.052.745**

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	769.614.723.668	362.521.176.506
Chi phí nhân viên	35.394.647.090	43.569.511.787
Chi phí khấu hao và hao mòn *(TM số 14 và 15)*	43.517.144.641	25.703.096.262
Khác	11.524.936.105	8.692.265.194
TỔNG CỘNG	**860.051.451.504**	**440.486.049.749**

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	4.377.636.288
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.594.870.940	(1.699.871.354)
TỔNG CỘNG	**1.594.870.940**	**2.677.764.934**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	**(140.117.907.633)**	**25.896.894.882**
Thuế TNDN theo thuế suất	(28.023.581.527)	5.179.378.976
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	28.320.754.318	2.110.576.554
Lỗ thuế được sang các năm sau	1.297.698.149	-
Thu nhập cổ tức	-	(2.800.000.000)
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	-	(1.812.190.596)
Chi phí thuế TNDN	**1.594.870.940**	**2.677.764.934**

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận tính thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận tính thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lợi nhuận tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 *Lỗ thuế*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế là 6.488.490.749 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*
2025	2030	6.488.490.749	-	6.488.490.749

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

30.4 *Thuế TNDN hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Các khoản dự phòng	105.000.414	1.699.871.354	(1.594.870.940)	1.699.871.354

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu trong năm với Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
1Production	Công ty con
Giga1	Công ty con *(đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)*
Y1N	Công ty con
1Brandlink	Công ty con
Y1U	Công ty con
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con
Netlink	Công ty con
Edigital	Công ty con
Mango+	Công ty con
1Talents	Công ty con gián tiếp
Y1P	Công ty con gián tiếp
Netlink BVI	Công ty con gián tiếp
BigCat	Công ty con gián tiếp

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu trong năm với Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Tstudio	Công ty con gián tiếp
VMA	Công ty con gián tiếp
DCC	Công ty con gián tiếp
TingTing	Công ty con gián tiếp
Web Publishing Corp.	Công ty con gián tiếp
Netlink Online	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1 ("Media1")	Công ty liên kết của công ty con *(đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)*
1Creators	Công ty liên kết
1Game	Công ty liên kết
SYE Holdings	Công ty liên kết
Meta Blossom	Công ty liên kết
Tera Group	Đầu tư khác *(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)*
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh ("Bồ Công Anh")	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty *(đến ngày 3 tháng 2 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Finbase ("Finbase")	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT *(đến ngày 22 tháng 4 năm 2025)*
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT *(đến ngày 6 tháng 5 năm 2024)*
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc *(đến ngày 4 tháng 3 năm 2026)*
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 17 tháng 9 năm 2025)*
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 20 tháng 3 năm 2025)*
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	Giám đốc tài chính *(từ ngày 27 tháng 8 năm 2025)*
Bà Đặng Phương Dung	Kế toán trưởng *(từ ngày 27 tháng 8 năm 2025)*
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên BKS *(từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)*
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS *(đến ngày 22 tháng 4 năm 2025)*
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Cá nhân liên quan đến nhân sự chủ chốt *(đến ngày 20 tháng 3 năm 2025)*

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
1Production	Chi phí sản xuất chương trình	559.731.474.442	191.157.111.112
	Cho vay	257.122.000.000	1.565.000.000
	Góp vốn	211.000.000.000	-
	Nhờ thu hộ	56.707.628.860	59.711.814.501
	Chi hộ	48.036.357.636	46.011.565.844
	Lãi cho vay	6.802.660.698	52.812.124
	Cung cấp dịch vụ	5.859.000.000	2.573.094.533
	Vay	-	470.000.000
	Lãi vay	-	2.163.288
Y1N	Cho vay	139.810.000.000	-
	Vay	38.750.000.000	30.070.000.000
	Nhờ thu hộ	19.653.611.546	70.939.715.200
	Trả nợ vay	9.258.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	8.288.251.852	6.884.000.000
	Lãi cho vay	2.366.613.696	-
	Lãi vay	1.513.205.957	747.623.006
Y1D	Cho vay	72.696.000.000	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	12.232.160.545	-
	Cung cấp dịch vụ	6.356.912.961	32.750.342.304
	Vay	4.780.000.000	33.470.000.000
	Mua dịch vụ	3.983.333.333	-
	Lãi cho vay	1.355.169.583	-
	Lãi vay	19.250.959	920.365.851
	Mua bản quyền	-	15.525.147.885
BigCat	Vay	6.700.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	5.627.070.370	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	5.218.896.760	13.450.178.021
	Lãi vay	123.353.425	
	Mua bản quyền	-	13.380.766.558
	Cho vay	-	270.000.000
	Lãi cho vay	-	2.873.835
Y1U	Mua hàng hóa	13.959.994.189	81.686.816
	Cung cấp dịch vụ	7.497.420.786	1.963.000.000
	Cho vay	5.423.000.000	10.121.000.000
	Bán hàng hóa	3.018.827.036	-
	Mua dịch vụ	1.373.684.375	-
	Lãi cho vay	1.558.896.352	860.758.957
SYE Holdings	Cung cấp dịch vụ	8.054.319.416	1.414.007.366
	Vay	4.000.000.000	3.200.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	1.738.808.056	-
	Mua dịch vụ	1.171.257.092	-
	Lãi vay	94.212.326	2.502.740
	Góp vốn	-	1.020.000.000

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
1Brandlink	Cung cấp dịch vụ	8.749.414.818	-
	Vay	6.300.000.000	1.000.000.000
	Lãi vay	58.268.492	863.014
	Góp vốn	-	1.960.000.000
Netlink	Cho vay	6.069.000.000	7.205.000.000
	Lãi cho vay	840.481.853	93.231.369
	Mua dịch vụ	-	80.000.000
	Lãi vay	-	62.899.792
1Talents	Nhờ thu hộ	1.000.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	378.000.000	2.428.000.000
	Mua dịch vụ	100.000.000	780.000.000
	Vay	-	5.100.000.000
	Góp vốn	-	1.880.000.000
	Lãi vay	-	27.098.628
DCC	Cung cấp dịch vụ	8.259.248.600	1.230.959.500
	Vay	5.000.000.000	2.600.000.000
	Cho vay	2.920.000.000	2.000.000.000
	Mua dịch vụ	2.194.356.442	441.672.859
	Lãi cho vay	167.614.517	11.506.849
	Lãi vay	1.424.657	13.194.669
1Creators	Cho vay	15.395.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	548.100.000	-
	Lãi cho vay	304.386.847	-
Mango+	Góp vốn	43.218.920.000	-
	Cung cấp dịch vụ	16.007.022.223	-
	Cho vay	2.340.000.000	-
	Lãi cho vay	64.501.781	-
Meta Blossom	Cung cấp dịch vụ	3.311.728.704	3.440.000.000
	Vay	1.000.000.000	1.800.000.000
	Lãi vay	104.424.657	1.553.425
	Góp vốn	-	2.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi vay	35.967.123	102.493.148
	Vay	-	1.900.000.000
VMA	Lãi vay	131.350.683	150.992.874
	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	3.500.000.000
	Vay	-	2.100.000.000
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	762.003.725	712.173.710

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	793.392.064	373.356.551
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	246.946.536	486.595.768
Y1P	Cung cấp dịch vụ	100.800.000	523.000.000
	Cho vay	-	1.500.000.000
	Lãi cho vay	-	20.280.821
1Game	Cung cấp dịch vụ	163.800.000	170.000.000
	Cho vay	23.000.000	2.015.000.000
TingTing	Vay	500.000.000	400.000.000
	Lãi vay	32.924.664	51.931.855
Giga1	Lãi vay	19.029.452	2.537.260
	Cổ tức được chia	-	14.000.000.000
	Vay	-	735.000.000
	Cho vay	-	560.000.000
	Lãi cho vay	-	127.268.629
Tera Group	Cho vay	-	17.560.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	2.216.523.810
	Lãi cho vay	-	426.722.878
Bồ Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	-	16.576.078.254
Tstudio	Cung cấp dịch vụ	-	4.487.941.822
STV	Cho vay	-	19.152.000.000
	Chuyển nhượng vốn góp	-	10.000.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	2.310.326.514
	Mua chương trình	-	2.210.809.524
	Lãi cho vay	-	587.422.850
STVPro	Nhờ thu hộ	-	19.095.576.006
	Mua dịch vụ sản xuất chương trình	-	15.506.172.840
	Chi hộ	-	9.749.735.376

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Y1N	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	11.498.120.271	1.029.286.575
1Brandlink	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	8.930.560.000	-
Y1U	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	6.197.214.449	-
1Production	Cung cấp dịch vụ	5.363.782.139	2.224.200.000
Mango+	Cung cấp bản quyền nội dung số	4.479.800.000	-
BigCat	Cung cấp dịch vụ	2.717.031.352	820.798.565
Edigital	Cung cấp dịch vụ và bản quyền	2.396.989.213	7.577.156.627
SYE Holdings	Cung cấp dịch vụ	1.188.401.730	306.508.486
VMA	Cung cấp bản quyền nội dung số	670.000.000	3.675.000.000
1Creators	Cung cấp bản quyền nội dung số	602.910.000	-
Y1P	Cung cấp dịch vụ	356.180.000	245.300.000
1Game	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	180.180.000	-
1Talents	Cung cấp dịch vụ	173.250.000	470.800.000
YES	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	1.647.731.367
DCC	Cung cấp bản quyềnnội dung số	-	1.354.055.450
Media1	Dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp	-	523.907.130
Meta Blossom	Cung cấp bản quyềnnội dung số	-	379.600.000
		44.754.419.154	**20.254.344.200**
Trả trước cho nhà cung cấp ngắn hạn			
BigCat	Mua dịch vụ	7.217.059.707	1.311.210.702
1Game	Mua dịch vụ	3.230.000.000	-
Y1N	Mua dịch vụ	-	3.624.982.867
		10.447.059.707	**4.936.193.569**
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Edigital	Cho vay	27.616.000.000	-
1Creators	Cho vay	14.865.000.000	-
Y1U	Cho vay	10.318.600.000	14.950.000.000
Netlink	Cho vay	2.021.000.000	5.205.000.000
DCC	Cho vay	1.370.000.000	2.000.000.000
		56.190.600.000	**22.155.000.000**

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác			
1Production	Nhờ thu hộ	14.046.145.790	38.548.886.622
	Lãi cho vay	6.767.859.670	98.885.959
1Brandlink	Lãi cho vay	7.058.275.973	-
Edigital	Lãi cho vay	1.355.385.336	215.753
Y1U	Lãi cho vay	1.314.137.580	104.088.899
	Nhờ thu hộ	86.190.000	-
Y1N	Nhờ thu hộ	1.055.345.308	20.991.338.967
Netlink	Lãi cho vay	878.163.907	37.682.054
1Creators	Lãi cho vay	304.386.847	
DCC	Lãi cho vay	179.121.366	11.506.849
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	77.254.677	96.152.335
Mango+	Lãi cho vay	64.501.781	-
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	29.392.550	343.969.957
Giga1	Phải thu cổ tức	-	14.000.000.000
YES	Lãi cho vay	-	12.088.331
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	-	6.522.276
		33.216.160.785	**74.251.338.002**
Phải thu về cho vay dài hạn			
1Production	Cho vay	185.516.000.000	525.000.000
Netlink	Cho vay	6.069.000.000	-
1Creators	Cho vay	530.000.000	-
		192.115.000.000	**525.000.000**
Phải trả người bán ngắn hạn			
1Production	Sản xuất chương trình	285.133.845.953	94.912.380.000
Y1N	Mua bản quyền	2.237.626.800	-
Y1U	Sản xuất chương trình	1.882.699.020	-
Edigital	Mua bản quyền	671.405.279	14.441.405.279
1Talents	Mua dịch vụ	108.000.000	692.400.000
Netlink	Mua dịch vụ	86.400.000	86.400.000
Bồ Công Anh	Mua dịch vụ	-	3.463.232.581
DCC	Mua dịch vụ	-	441.672.859
SYE Holdings	Mua dịch vụ	-	217.779.797
		290.119.977.052	**114.255.270.516**

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
1Production	Cung cấp bản quyền nội dung số	16.250.000.000	-
Meta Blossom	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	2.410.210.093
		16.250.000.000	**2.410.210.093**
Phải trả ngắn hạn khác			
1Production	Chi hộ	28.831.226.497	43.404.273.986
	Lãi vay	2.163.288	2.163.288
Y1N	Chi hộ	3.439.638.000	-
	Lãi vay	4.964.383	752.283.280
SYE Holdings	Nhận ký quỹ	300.000.000	300.000.000
	Lãi vay	117.219.176	2.502.740
1Brandlink	Chi hộ	378.000.000	-
	Lãi vay	71.386.300	863.014
BigCat	Lãi vay	123.353.425	-
TingTing	Lãi vay	92.220.902	59.296.238
VMA	Lãi vay	87.452.054	151.165.477
Y1D	Lãi vay	27.766.317	8.515.358
Meta Blossom	Lãi vay	26.868.494	1.553.425
DCC	Lãi vay	8.702.351	6.529.749
Netlink	Lãi vay	7.899.792	7.899.792
1Talents	Lãi vay	-	27.098.628
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi vay	-	14.087.671
		33.518.860.979	**44.738.232.646**

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
BigCat	Mua dịch vụ	7.217.059.707	1.311.210.702
1Game	Mua dịch vụ	3.230.000.000	-
Y1N	Mua dịch vụ	-	3.624.982.867
		10.447.059.707	**4.936.193.569**
Vay ngắn hạn			
Y1N	Vay	22.650.000.000	18.285.000.000
SYE Holdings	Vay	2.000.000.000	-
VMA	Vay	1.040.000.000	1.840.000.000
Meta Blossom	Vay	1.000.000.000	-
TingTing	Vay	800.000.000	300.000.000
1Brandlink	Vay	300.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	-	1.350.000.000
Giga1	Vay	-	735.000.000
		27.790.000.000	**22.510.000.000**
Vay dài hạn			
SYE Holdings	Vay	1.500.000.000	-

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác năm nay và năm trước như sau:

VND

Họ và tên	*Chức danh*	*Năm nay*	*Năm trước*
Thù lao thành viên HĐQT			
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT *(miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2025)*	-	-
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT *(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)*	-	-
TỔNG CỘNG		-	-
Thù lao Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban	24.000.000	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	24.000.000	-
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên	24.000.000	-
TỔNG CỘNG		**72.000.000**	-
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	3.444.000.000	2.356.570.000
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc *(từ nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2026)*	1.825.200.000	750.500.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	Giám đốc Tài chính	1.251.739.000	926.986.200
Bà Đặng Phương Dung	Kế toán trưởng	384.817.000	-
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc *(miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)*	471.131.000	925.918.444
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc *(miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2025)*	-	-
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT *(miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)*	-	-
TỔNG CỘNG		**7.376.887.000**	**4.959.974.644**

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	18.569.916.000	20.246.044.000
Trên 1 năm đến 5 năm	86.229.930.000	92.357.820.000
Trên 5 năm	33.962.400.000	55.414.692.000
TỔNG CỘNG	**138.762.246.000**	**168.018.556.000**

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

VND

	Năm xóa sổ	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	2025	19.600.000.000	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Up	2025	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	2025	353.983.561	353.983.561
Công ty TNHH Yeah1 Vision	2025	209.824.729	209.824.729
TỔNG CỘNG		**21.163.808.290**	**21.163.808.290**

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết HĐQT Số 50/2026/NQ/HĐQT/YEG và Số 51/2026/NQ/HĐQT/YEG ngày 23 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương ủy thác đầu tư vốn cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB để thực hiện hoạt động đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Tera Group và Công ty Cổ phần Tera Ventures, với số vốn ủy thác lần lượt là 260.000.000.000 VND và 172.800.000.000 VND theo hình thức hợp đồng ủy thác đầu tư, tỷ lệ sở hữu sau khi đầu tư tại mỗi công ty không vượt quá 49,99%.

Ngoài các sự kiện được trình bày ở trên và ở *Thuyết minh số 7, 10 và 17.1*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Nguyễn Thị Khánh Trang
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn